

Bản án số: 855/2025/HSST
Ngày 19/12/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tổng Thị Thanh Nam
2. Ông Đỗ Anh Quân

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quang Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 823/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 858/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Tiến A, **sinh năm 1982;** giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú: thôn B, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội (nay là Thôn B, xã B, Thành phố Hà Nội); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; bố Nguyễn Văn N và mẹ Nguyễn Thị H; vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; có 02 con, sinh năm 2006 và 2010; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 607/2024/HSPT ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử 24 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H.
Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến A: Luật sư Nguyễn Hồng Q - Công ty L2, Đoàn Luật sư Thành phố H. **Có mặt.**

Bị hại: Ông Nguyễn Chí Đ, sinh năm 1983; nơi thường trú: Thôn V, xã A, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1972; Trú tại: Tổ dân phố K, phường D, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

2. Ông Ngô Quang H1, sinh năm 1976; Trú tại: Xóm C, Thôn Đ, xã A, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

3. Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1987; Trú tại: Số F, ngách G, 3 đường G, Tổ dân phố G, phường C, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

4. Ông Nguyễn Đình L1, sinh năm 1972; Trú tại: Tổ dân phố R, phường C, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

5. Bà Nguyễn Thanh M, sinh năm 1980; Trú tại: Tổ dân phố C, phường T, Thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố:

Khoảng đầu năm 2017, thông qua mối quan hệ xã hội, bị cáo Nguyễn Tiến A biết anh Nguyễn Chí Đ cho thuê xe ô tô tự lái. Do làm kinh doanh du lịch, thường xuyên cần xe ô tô để chở khách đi lại nên Tiến A nhiều lần thuê xe ô tô của anh Đ để phục vụ mục đích kinh doanh. Sau khi thuê xe để sử dụng, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Tiến A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh Đ mang đi cầm cố lấy tiền và không trả lại xe cho anh Đ. Cụ thể hành vi phạm tội như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 28/10/2017, Tiến A có nhu cầu thuê xe ô tô tự lái để chở khách đi du lịch nên đã đến nhà anh Đ tại thôn V, xã A, Thành phố Hà Nội. Do khi đó các xe ô tô của anh Đ đã cho người khác thuê hết, vì Tiến A là khách quen nên anh Đ đã đến nhà bạn là anh Nguyễn Đình B hỏi thuê 01 xe ô tô loại 7 chỗ để anh Đ cho người khác thuê lại, khi nào người thuê trả xe thì anh Đ sẽ trả lại cho anh B. Anh B đồng ý, cho anh Đ thuê xe ô tô Toyota Innova, BKS: 30A-129.22, màu ghi bạc với giá 700.000 đồng/1 ngày (hai bên không làm hợp đồng thuê xe). Sau khi thuê được xe của anh B, anh Đ thông báo lại với Tiến A đến lấy xe. Quá trình trao đổi, anh Đ đồng ý cho Tiến A thuê chiếc xe ô tô Toyota Innova, BKS: 30A-129.22, màu ghi bạc thời hạn thuê là 10 ngày (từ ngày 28/10/2017 đến ngày

07/11/2017), giá thuê là 800.000 đồng/ngày. Do trước đó Tiến A thường xuyên thuê xe ô tô của anh Đ và trả xe đúng hạn nên lần thuê xe này hai bên không làm hợp đồng thuê xe, chỉ thỏa thuận miệng với nhau (sau đó anh Đ tự lập 01 hợp đồng cho thuê xe nhưng không đưa cho Tiến A ký với mục đích để nhớ thời gian và giá thuê xe). Sau khi thỏa thuận, anh Đ giao chiếc xe ô tô trên cho Tiến A cùng các giấy tờ xe gồm Đăng kiểm xe (bản gốc) và Giấy đăng ký xe (bản phô tô công chứng), khi hết thời hạn thuê xe Tiến A sẽ thanh toán tiền thuê xe cho anh Đ. Đến ngày 07/11/2017 hết hạn thuê xe, Tiến A nói với anh Đ thuê xe ô tô thêm 1-2 ngày nữa vì Tiến A vẫn đang sử dụng chiếc xe ô tô trên chở khách đi du lịch và thanh toán tiền thuê xe trước đó cho anh Đ nên anh Đ đồng ý. Khoảng 02 ngày sau, do thiếu tiền để phục vụ việc kinh doanh du lịch nên Tiến A đã nảy sinh ý định đi cầm cố chiếc xe ô tô trên. Thông qua mối quan hệ xã hội, Tiến A đã liên hệ với anh Nguyễn Duy T trao đổi vay số tiền 100.000.000 đồng (lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 73%/năm) và cầm cố chiếc xe ô tô Toyota Innova 30A-129.22 cho anh T để đảm bảo khoản vay. Anh T đồng ý và bảo Tiến A mang xe ô tô đến nhà hàng của anh T ở phường C, Thành phố Hà Nội. Tại đây, Tiến A nói rằng chiếc xe trên của Tiến A và thỏa thuận với anh T cầm cố xe trong thời hạn 01 tháng sẽ trả anh T số tiền trên để chuộc xe ô tô về. Do chỗ quen biết nên anh T không xem giấy tờ nguồn gốc xe mà đồng ý cho Tiến A vay 100 triệu đồng tiền mặt (không làm hợp đồng vay, không viết giấy biên nhận). Sau khi nhận tiền, Tiến A đã sử dụng toàn bộ để chi trả các tour du lịch. Hết thời hạn thuê xe ô tô, anh Đ đã nhiều lần yêu cầu Tiến A mang xe về trả nhưng do không có tiền trả anh T để chuộc xe nên Tiến A nói dối với anh Đ vẫn đang sử dụng xe để chở khách đi du lịch, đề nghị anh Đ cho Tiến A thuê thêm một thời gian nữa, không ấn định cụ thể thời hạn bao nhiêu ngày, đồng thời để anh Đ tin tưởng, cách vài ngày Tiến A lại chuyển cho anh Đ tiền thuê chiếc xe ô tô trên để anh Đ đồng ý tiếp tục cho Tiến A thuê, cả hai bên đều không nhớ cụ thể đã thanh toán bao nhiêu tiền thuê xe.

Lần thứ hai: Đến ngày 10/01/2018, Tiến A có nhu cầu thuê xe ô tô tự lái để chở khách đi du lịch nên tiếp tục đến nhà anh Đ để hỏi thuê xe. Tại đây, Tiến A nói với anh Đ là Tiến A vẫn đang sử dụng chiếc xe Toyota Innova, BKS: 30A-129.22 đi chở khách nay muốn thuê thêm một chiếc xe ô tô loại 7 chỗ nữa để đi ký hợp đồng du lịch. Tin tưởng Tiến A, anh Đ đồng ý. Tuy nhiên tại thời điểm này anh Đ không có sẵn xe loại 7 chỗ nên anh Đ đã liên hệ với anh Ngô Quang H1 là bạn trao đổi thuê 01 xe ô tô loại 7 chỗ để anh Đ cho người khác thuê lại.

Do cùng kinh doanh xe ô tô tự lái nên anh H1 tin tưởng cho anh Đ thuê 01 chiếc xe ô tô Toyota Innova, BKS: 30E-727.59, màu ghi bạc, với giá 700.000 đồng/ngày (anh H1 và anh Đ chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành hợp đồng, việc anh Đ cho người khác thuê lại xe được sự đồng ý của anh H1). Sau khi thuê được xe của anh H1, anh Đ1 thông báo cho Tiến A đến lấy xe, hai bên thỏa thuận thuê Tiến A thuê thêm 01 chiếc xe ô tô Toyota Innova, BKS: 30E-727.59, màu ghi bạc thời hạn thuê 05 ngày (từ ngày 10/01/2018 đến ngày 15/01/2018), giá thuê là 800.000 đồng/ngày, khi nào hết thời hạn thuê, Tiến A sẽ thanh toán đầy đủ tiền thuê xe cho anh Đ (hai bên cũng không lập hợp đồng nhưng sau đó anh Đ vẫn tự lập 01 hợp đồng cho thuê xe, tự ký tên dưới mục Bên cho thuê và không đưa cho Tiến A ký với mục đích để nhớ thời gian và giá thuê xe). Sau khi thỏa thuận, anh Đ giao chiếc xe trên cùng toàn bộ giấy tờ xe cho Tiến A gồm: đăng kiểm xe (bản gốc) và giấy đăng ký xe (bản phô tô công chứng). Tiến A sử dụng chiếc xe để chở khách khoảng 03 đến 04 ngày, do thiếu tiền làm tour du lịch, Tiến A lại nảy sinh ý định đi cầm cố chiếc xe ô tô trên để lấy tiền. Thông qua mối qua hệ xã hội, Tiến A biết một người tên N1 (không rõ nhân thân, lai lịch) chuyên nhận cầm cố xe ô tô. Tiến A liên hệ trao đổi với N1 sẽ cầm cố chiếc xe trên để vay số tiền 100.000.000 đồng (lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 73%/năm). N1 đồng ý và bảo Tiến A điều khiển xe đến nhà N1 ở thị trấn C, phường C, Thành phố Hà Nội (Tiến A không nhớ địa chỉ cụ thể). Sau đó Tiến A điều khiển chiếc xe ô tô đến thị trấn C giao cho N1, Tiến A đưa thông tin rằng chiếc xe trên của Tiến A và hẹn 01 tháng sẽ trả tiền để chuộc xe, đồng thời Tiến A viết “*Giấy vay tiền*” với nội dung: Tiến A vay Nam số tiền 100.000.000 đồng và để lại chiếc xe ô tô BKS: 30E-727.59 cho N1 giữ làm tin. Tại đây, N1 đưa trực tiếp cho Tiến A số tiền 100.000.000 đồng, Tiến A đã sử dụng toàn bộ số tiền vào việc chi tiêu cá nhân hết. Hết thời hạn thuê xe ô tô, anh Đ gọi điện cho Tiến A yêu cầu Tiến A trả chiếc xe ô tô Toyota Innova, BKS: 30E-727.59 và xe ô tô Toyota Innova, BKS: 30A-129.22, màu ghi bạc thuê lần trước. Do đã cầm cố cả hai chiếc xe trên nên Tiến A tiếp tục nói dối với anh Đ cả hai xe ô tô trên Tiến A vẫn đang sử dụng đi chở khách và bảo anh Đ cho thuê thêm thời gian nữa thì anh Đ đồng ý.

Vì không có tiền chuộc 02 chiếc xe ô tô về trả cho anh Đ nên Tiến A tháo bỏ sim điện thoại cắt liên lạc với anh Đ và bỏ trốn vào phường L, tỉnh Đồng Nai. Do không liên hệ được với Tiến A để đòi xe ô tô nên anh Đ nhiều lần đi tìm 02 chiếc xe ô tô trên. Ngày 19/01/2018, anh Đ phát hiện thấy chiếc xe ô tô Toyota Innova,

BKS: 30A-129.22 đang đỗ tại tổ dân phố R, phường C, Thành phố Hà Nội. Người đang sử dụng chiếc xe này là anh Nguyễn Đình L1 nên anh Đ đã đến cơ quan Công an phường B để trình báo về việc Tiến A thuê 02 xe ô tô Innova BKS 30A-129.22 và xe Innova, BKS: 30E-727.59 quá thời hạn không trả lại xe. Ngày 19/4/2018, Công an phường B bàn giao hồ sơ vụ việc và chiếc xe ô tô trên cho Cơ quan điều tra Công an huyện H (cũ) giải quyết theo quy định.

Ngày 17/5/2018, anh H1 phát hiện chiếc xe ô tô Toyota Innova, BKS: 30E-727.59 bị mất định vị nên gọi điện thoại cho anh Đ để hỏi lý do thì được anh Đ cho biết sau khi thuê xe của anh H1 đã cho Tiến A thuê lại chiếc xe ô tô trên, rồi Tiến A đã mang xe đi cầm cố, anh Đ không liên lạc được với Tiến A, việc Tiến A cầm cố xe anh Đ không biết. Thông qua các mối quan hệ xã hội, anh H1 nhận được thông tin chiếc xe Toyota Innova, BKS: 30E-727.59 ở khu vực thị trấn C, phường C, Thành phố Hà Nội. Anh H1 đến khu vực trên thì biết được một nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển chiếc xe ô tô trên. Anh H1 có hỏi nam thanh niên về nguồn gốc chiếc xe thì nam thanh niên trả lời đã nhận cầm cố chiếc xe ô tô từ khoảng tháng 01/2018 với giá 100.000.000 đồng. Anh H1 xin chuộc lại xe ô tô thì nam thanh niên nói giá chuộc xe là 150.000.000 đồng, anh Hiệp đồng Ý đưa cho nam thanh niên số tiền 150.000.000 đồng để chuộc chiếc xe ô tô về.

Ngày 10/10/2023, Nguyễn Tiến A bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Thành phố Hà Nội (cũ) bắt, tạm giữ về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại huyện T, Thành phố Hà Nội.

*** Vật chứng thu giữ:** Anh Nguyễn Đình L1 giao nộp chiếc xe Toyota Innova, BKS: 30A-129.22. Ngày 26/4/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại chiếc xe ô tô BKS: 30A-129.22 cho anh Nguyễn Đình B là chủ sở hữu.

*** Kết quả định giá tài sản:**

Tại Kết luận định giá tài sản số 125 ngày 25/4/2025 của Hội đồng định giá trong TTSH huyện H, kết luận:

- Chiếc xe ô tô BKS: 30A-129.22 (thời điểm định giá ngày 28/10/2017) có giá: 256.667.000 đồng.

- Chiếc xe ô tô BKS: 30E-727.59 (thời điểm định giá ngày 10/01/2018) có giá: 331.667.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá: 588.334.000 đồng.

*** Kết quả giám định:**

Tại Kết luận giám định số 2200 ngày 04/5/2018 và số 6002 ngày 16/7/2018 của V - Bộ C kết luận: *Số khung, số máy của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, BKS: 30A-129.22 và chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, BKS: 30E-727.59 là số khung, số máy nguyên thủy.*

Tại Cơ quan điều tra,

- Anh Nguyễn Chí Đ, Nguyễn Đình B, Ngô Quang H1 và Nguyễn Duy T trình bày phù hợp nội dung vụ án nêu trên.

- Bị cáo Nguyễn Tiến A khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, Tiến A làm kinh doanh du lịch nên thường xuyên cần xe ô tô để đi lại, thường xuyên thuê xe ô tô của anh Đ; quá trình thuê xe để sử dụng, do cần tiền chi tiêu và sử dụng vào mục đích cá nhân nên đã nảy sinh ý định cầm cố 02 chiếc xe ô tô trên cho anh T và một người tên N1 mà không được sự đồng ý của anh Đ. Khi trao đổi cầm cố xe để vay tiền, Tiến A giới thiệu nguồn gốc xe là của Tiến A mua chưa kịp sang tên. Sau khi cầm cố không có tiền trả để chuộc xe về nên Tiến A đã cắt liên lạc và bỏ trốn vào Đồng Nai.

Tại Cáo trạng số 47/CT-VKS-P3, ngày 05/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Tiến A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[2] Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Tiến A thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Bị hại và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa đã công bố lời khai của họ tại cơ quan điều tra. Sau khi công bố, bị cáo thừa nhận họ khai đúng sự thật.

[3] Phân tranh luận tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; động cơ, mục đích và nhân thân của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 4 Điều 175; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến A từ 09 năm tù đến 10 năm tù. Tổng hợp 24 tháng tù của Bản án số 607/2024/HSPT ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, bị cáo phải chấp hành hình

phạt chung của hai bản án là từ 11 năm tù đến 12 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự, do không có yêu cầu nên không xét.

- Luật sư Nguyễn Hồng Q bào chữa cho bị cáo trình bày: đồng ý với Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là lao động chính trong gia đình; vợ chồng bị cáo sống ly thân. Bị cáo có nhiều tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt 09 đến 10 năm tù là quá nghiêm khắc đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo Nguyễn Tiến A, thừa nhận Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo là đúng, đồng ý với lời bào chữa của luật sư, bị cáo không bổ sung gì thêm.

[4] Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử và Viện kiểm sát xem xét, mở lượng khoan hồng cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về gia đình, hòa nhập xã hội; nuôi dạy các con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đã được triệu tập hợp lệ, đã có lời khai tại quan điều tra và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét về hành vi vi phạm của bị cáo bị truy tố:

Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo Nguyễn Tiến A đúng với các lời khai tại Cơ quan tra điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng đầu năm 2017, thông qua mối quan hệ xã hội, bị cáo Nguyễn Tiến A biết anh Nguyễn Chí Đ là người kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái nên đã nhiều lần thuê xe ô tô của anh Đ để phục vụ kinh doanh tour du lịch và công việc cá nhân. Từ tháng 11/2017 đến tháng 01/2018, bị cáo Nguyễn Tiến A đã thuê của anh Đ 02 chiếc xe ô tô chiếc xe ô tô BKS: 30A-129.22 có trị giá 256.667.000 đồng và chiếc xe ô tô BKS: 30E-727.59 có trị giá 331.667.000 đồng; tổng giá trị 02 chiếc xe là **588.334.000 đồng**. Sau một thời gian sử dụng xe, do cần tiền chi tiêu cá nhân và kinh doanh nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt 02 chiếc xe ô tô trên mang đi cầm cố cho anh Nguyễn Duy T và đối tượng tên N1 để vay số tiền 200.000.000 đồng. Hết thời hạn thuê xe, anh Đ nhiều lần yêu cầu bị cáo trả lại xe nhưng Nguyễn Tiến A khất nản không trả và tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là xe đang sử dụng chở khách đi du lịch rồi cắt liên lạc với anh Đ và bỏ trốn vào phường L, tỉnh Đồng Nai. Quá trình điều tra gia đình bị cáo Nguyễn Tiến A đã trả cho anh Ngô Quang H1 số tiền 100.000.000 đồng. Đến nay các anh Nguyễn Chí Đ, Nguyễn Đình B, Ngô Quang H1 và Nguyễn Duy T không yêu cầu về bồi thường dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Tiến A.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Tiến A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Tiến A, sinh năm 1982 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hội đồng xét xử, xét hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn. Xác định hành vi phạm tội của bị cáo là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để chiếm đoạt số tiền lớn. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự xã hội; làm mất lòng tin giữa con người với nhau. Do vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm bằng pháp luật hình sự và áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét:

- Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bản án số 607/2024/HSPT ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử 24 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tuy nhiên, hành vi phạm tội trong bản án này xảy ra sau nhưng được xét xử trước nên không xác định bị cáo tái phạm trong vụ án này.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội, được bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ sự ăn năn hối cải; bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Văn N đã từng tham gia kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng: không.

Đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Tiến A không có công việc và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[4] Biện pháp tư pháp: Tài sản bị cáo Nguyễn Tiến A chiếm đoạt đã trả bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận tiền bồi thường, không ai còn yêu cầu khác về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Nội dung khác:

Đối với anh hành vi của anh Nguyễn Duy T nhận cầm cố xe ô tô BKS: 30A-129.22 để cho Tiến A vay 100.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định Anh T không biết nguồn gốc xe ô tô là Tiến A đi thuê của anh Đ, khi đến cầm cố xe để vay tiền Tiến A giới thiệu xe của Tiến A mua nên anh T tin tưởng cho vay với lãi suất 2.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày (tương ứng 73%/năm). Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh Nguyễn Duy T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 323 và Điều 201 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng tên N1, quá trình điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể. Khi N1 nhận cầm cố xe ô tô BKS: 30E-727.59 để cho Tiến A vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 2.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày (tương ứng 73%/năm). Do không xác định được đối tượng nên không đủ căn cứ để xem xét xử lý.

Đối với anh Nguyễn Chí Đ, quá trình điều tra xác định: anh Đ cho Tiến A thuê 02 chiếc xe ô tô Toyota Innova BKS: 30A-129.22 và T1, BKS: 30E-727.59, nguồn gốc chiếc xe trên là của anh Nguyễn Đình B, Ngô Quang H1 cho anh Đ thuê. Khi cho anh Đ thuê xe, anh B và anh H1 đều đồng ý để anh Đ cho thuê lại 02 chiếc xe ô tô trên nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến A phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 56 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến A 07 (bảy) năm tù**. Tổng hợp hình phạt **24 (hai mươi bốn) tháng tù** về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” tại Bản án phúc thẩm số 607/2024/HS-PT ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **09 (chín) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2023 đến ngày 15/11/2023 tại Bản án trên vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về án phí: *Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

Buộc bị cáo Nguyễn Tiến A phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: *Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:*

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Công an Thành phố Hà Nội;
- THADS Thành phố Hà Nội;
- Thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã (phường) nơi cư trú của bị cáo;
- Lưu hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Chiều